

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số: 2589 /XNK-QLCĐ
V/v: Công bố thông tin

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không
2. Mã chứng khoán: ARM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38271939 – 38271351 Fax: 04.38271925
5. Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Ngọc Tùng
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét của CTCP Xuất nhập khẩu Hàng không được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Giải trình biến động LNST tăng so với cùng kỳ năm trước
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin công bố: airimex.vn
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu văn thư, QLCĐ.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Đinh Ngọc Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU HÀNG KHÔNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Tùng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06/6/2023)
Ông Nguyễn Duy Việt	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06/6/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đinh Ngọc Tùng	Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 06/6/2023)
Bà Tống Thị Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/6/2023)
Bà Đỗ Thu Hằng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 06/6/2023)
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023



RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353

F: 024 3795 5252

www.rsm.global/vietnam

www.rsmhanoi.com.vn

Số: 170/2023/RSMHN-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hoàng Thị Vinh
Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2023-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.619.833.243	107.526.778.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.476.424.582	7.935.462.995
1. Tiền	111		4.476.424.582	7.935.462.995
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.075.891.145	89.251.830.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	19.840.819.409	26.382.057.882
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	31.757.076.044	7.797.027.787
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	92.477.995.692	55.072.745.030
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	6.624.980.097	9.947.915.451
1. Hàng tồn kho	141		7.198.971.341	10.521.906.695
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(573.991.244)	(573.991.244)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		442.537.419	391.569.504
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		411.121.105	168.484.167
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	31.416.314	223.085.337
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.964.748.500	11.926.156.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.844.521.292	9.000.346.829
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	6.866.672.905	7.882.698.442
Nguyên giá	222		21.505.269.020	21.505.269.020
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.638.596.115)	(13.622.570.578)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	977.848.387	1.117.648.387
Nguyên giá	228		2.513.380.500	2.513.380.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.535.532.113)	(1.395.732.113)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.8	1.223.188.352	1.442.323.247
Nguyên giá	231		14.220.418.430	14.220.418.430
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.997.230.078)	(12.778.095.183)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		897.038.856	1.483.486.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		897.038.856	1.483.486.875
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		165.584.581.743	119.452.935.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		129.602.321.182	83.758.689.142
I. Nợ ngắn hạn	310		127.768.073.432	82.037.841.392
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	9.348.032.765	4.576.733.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	21.884.879.728	3.431.024.528
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.117.218.224	426.103.654
4. Phải trả người lao động	314		2.366.375.213	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		355.800.000	62.600.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.000.000	36.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	89.022.216.255	63.396.397.929
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	3.383.657.824	10.082.001.206
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		253.893.423	26.980.932
II. Nợ dài hạn	330		1.834.247.750	1.720.847.750
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	1.834.247.750	1.720.847.750
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.982.260.561	35.694.246.458
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	35.982.260.561	35.694.246.458
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.112.830.000	31.112.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.112.830.000	31.112.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.910.890	9.910.890
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.473.497.115	1.473.497.115
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.386.022.556	3.098.008.453
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		908.985.642	724.971.498
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.477.036.914	2.373.036.955
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		165.584.581.743	119.452.935.600

**Đình Ngọc Tùng**
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Thế Đắc
Kê toán trưởng**Hoàng Thị Bích Hương**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	82.278.136.268	73.384.757.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		82.278.136.268	73.384.757.795
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	66.074.885.162	60.917.933.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		16.203.251.106	12.466.824.353
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		251.347.865	122.995.076
7. Chi phí tài chính	22	5.3	323.928.084	258.256.599
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		303.165.647	225.181.782
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	2.945.760.924	1.752.155.125
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	10.058.025.684	9.393.723.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.126.884.279	1.185.683.947
11. Thu nhập khác	31		16.231.546	4.084.914
12. Chi phí khác	32		14.707.291	2.747.590
13. Lợi nhuận khác	40		1.524.255	1.337.324
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.128.408.534	1.187.021.271
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	651.371.620	253.278.972
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.477.036.914	933.742.299
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	796	300

**Đinh Ngọc Tùng**
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Thế Đắc
Kê toán trưởng**Hoàng Thị Bích Hương**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.6	3.128.408.534	1.187.021.271
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.7	1.374.960.432	1.596.199.819
- Các khoản dự phòng	03		-	430.000.000
- (Lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(99.834.449)	(32.626.798)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(9.061.579)	(10.331.493)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	303.165.647	225.181.782
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.697.638.585	3.395.444.581
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(17.737.427.903)	18.567.568.096
- Giảm hàng tồn kho	10		3.322.935.354	4.175.215.654
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		30.761.732.802	(5.932.301.087)
- Giảm chi phí trả trước	12		343.811.081	849.942.032
- Tiền lãi vay đã trả	14		(315.165.647)	(235.633.596)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.6	(461.999.011)	(235.074.463)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.089.758.364
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (i)	17		(15.608.423.475)	(284.026.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.003.101.786	25.390.893.581
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(3.400.221.964)
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.061.579	10.331.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.061.579	(3.389.890.471)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.13	7.361.005.767	15.884.215.831
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.13	(14.059.349.149)	(25.588.192.941)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.801.569.780)	(9.590.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.499.913.162)	(9.713.567.360)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(3.487.749.797)	12.287.435.750
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	7.935.462.995	8.076.345.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.711.384	8.485.603
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	4.476.424.582	20.372.266.708

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

(i) Đây là dòng tiền thuần giữa khoản phải thu khác (khoản chi hộ người giao ủy thác) và khoản phải trả khác (khoản còn phải trả nhà cung cấp) có liên quan đến hoạt động ủy thác nhập khẩu và tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi. Dòng tiền thuần này được trình bày là chi khác hoặc thu khác cho hoạt động kinh doanh nếu có chênh lệch giữa phải thu khác và phải trả khác tương ứng cho dòng tiền ra hoặc dòng tiền vào.



Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Thế Đắc
Kê toán trưởng

Hoàng Thị Bích Hương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không. Ngày 17/10/2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107934 ngày 18/5/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 14/6/2023.

Ngày 26/10/2010, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 06/10/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 31.112.830.000 VND, chia thành 3.111.283 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 80 người (tại ngày 01/01/2023 là 86 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại liên quan đến ngành hàng không.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị chuyên dụng, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- Lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện dân dụng.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tính đến ngày 30/6/2023, Công ty có Chi nhánh phụ thuộc như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (TP. Hà Nội) tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với mã số thuế là 0100107934-001.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính, Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.10 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.11 Giá vốn hàng bán và dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.13 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo, hoa hồng cho công tác viên, lương nhân viên bộ phận kinh doanh, khác....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê văn phòng, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh

3.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	34.492.801	342.387.320
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.441.931.781	7.593.075.675
Cộng	4.476.424.582	7.935.462.995

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu từ các bên liên quan	16.142.440.642	20.388.857.515
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	14.907.307.979	19.130.267.641
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	1.235.132.663	875.764.286
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	-	48.025.588
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	-	334.800.000
Phải thu bên thứ ba	3.698.378.767	5.993.200.367
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	-	574.341.268
Công ty TNHH Allianz Technics	-	1.965.600.000
Phải thu ông Trần Minh Tuấn	-	620.654.435
Công ty CP Giáo dục Tư duy và Sáng tạo quốc tế CMS	1.332.768.388	-
Đối tượng khác	2.365.610.379	2.832.604.664
Cộng	19.840.819.409	26.382.057.882

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho bên liên quan	249.169.839	166.308.609
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	249.169.839	166.308.609
Trả trước cho bên thứ ba	31.507.906.205	7.630.719.178
Công ty CP Thuận Quốc	2.768.392.780	3.925.637.570
Công ty TNHH Allianz Technics	5.379.000.000	2.689.500.000
Công ty TNHH TM-DV XNK An Tâm	22.341.132.000	-
Công ty khác	1.019.381.425	1.015.581.608
Cộng	31.757.076.044	7.797.027.787



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu các bên liên quan	82.295.738.299	49.862.342.230
Phải thu về ủy thác	82.295.738.299	49.862.342.230
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	19.544.597.581	6.575.272.195
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	62.751.140.718	43.287.070.035
Phải thu bên thứ ba	10.182.257.393	5.210.402.800
Phải thu về ủy thác	6.179.170.735	1.857.756.167
Công ty CP Hạ tầng Công nghệ Hàng không (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	204.440.368	181.440.368
Tạm ứng	146.852.660	-
Phải thu khác	651.793.630	171.206.265
Cộng	92.477.995.692	55.072.745.030

(i) Khoản phải thu lại số tiền ứng trước của Hợp đồng số 03/2022/HĐKT/AIRIMEX-AIC ngày 06/4/2022 theo Biên bản hủy Hợp đồng số 03/2022/HĐKT/AIRIMEX-AIC ngày 20/12/2022.

4.5 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Giá gốc	7.198.971.341	10.521.906.695
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	573.991.244	573.991.244
Hàng hóa	6.624.980.097	9.947.915.451
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(573.991.244)	(573.991.244)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(573.991.244)	(573.991.244)
Cộng	6.624.980.097	9.947.915.451

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.6 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	11.782.198.434	1.002.378.394	4.633.699.252	4.086.992.940	21.505.269.020
Tại ngày 30/6/2023	11.782.198.434	1.002.378.394	4.633.699.252	4.086.992.940	21.505.269.020
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	5.837.691.586	1.002.378.394	2.836.074.322	3.946.426.276	13.622.570.578
Khấu hao	795.950.025	-	205.227.024	14.848.488	1.016.025.537
Tại ngày 30/6/2023	6.633.641.611	1.002.378.394	3.041.301.346	3.961.274.764	14.638.596.115
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	5.944.506.848	-	1.797.624.930	140.566.664	7.882.698.442
Tại ngày 30/6/2023	5.148.556.823	-	1.592.397.906	125.718.176	6.866.672.905

Tại ngày 30/6/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 8.218.749.713 VND (tại ngày 01/01/2023 là 8.463.369.213 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.7 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	2.513.380.500	2.513.380.500
Tại ngày 30/6/2023	2.513.380.500	2.513.380.500
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	1.395.732.113	1.395.732.113
Khấu hao	139.800.000	139.800.000
Tại ngày 30/6/2023	1.535.532.113	1.535.532.113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	1.117.648.387	1.117.648.387
Tại ngày 30/6/2023	977.848.387	977.848.387

Tại ngày 30/6/2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.115.380.500 VND (tại ngày 01/01/2023 là 1.115.380.500 VND).

4.8 Bất động sản đầu tư

	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2023 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê</u>				
NGUYÊN GIÁ				
Nhà cửa, vật kiến trúc	14.220.418.430	-	-	14.220.418.430
Cộng	14.220.418.430	-	-	14.220.418.430
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Nhà cửa, vật kiến trúc	12.778.095.183	219.134.895	-	12.997.230.078
Cộng	12.778.095.183	219.134.895	-	12.997.230.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.442.323.247			1.223.188.352
Cộng	1.442.323.247			1.223.188.352

Tại ngày 30/6/2023, nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 5.855.958.417 VND (tại ngày 01/01/2023 là 1.360.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả bên liên quan	42.648.200	92.584.695
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	42.648.200	42.648.200
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	-	47.863.635
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	-	2.072.860
Phải trả bên thứ ba	9.305.384.565	4.484.148.448
Công ty TNHH Tonglu Kaiji Trading	1.181.432.000	1.179.446.400
Công ty CP Thuận Quốc	443.265.000	489.309.456
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Rừng Xanh	1.595.464.745	711.740.925
Công ty TNHH Tùng Chi	91.203.300	446.148.000
Công ty TNHH In Thành Đô	1.442.897.415	132.355.470
Công ty TNHH Tiếp vận Tường Long	1.603.599.985	-
Công ty khác	2.947.522.120	1.525.148.197
Cộng	9.348.032.765	4.576.733.143

4.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bên liên quan trả tiền trước	5.567.980.000	2.778.600.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	5.557.200.000	2.778.600.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	10.780.000	-
Bên thứ ba trả tiền trước	16.316.899.728	652.424.528
Allianz Technics (Singapore) Pte Ltd.	652.424.528	652.424.528
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	15.664.475.200	-
Cộng	21.884.879.728	3.431.024.528



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.11 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/6/2023 VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	223.085.337		4.141.001.648	4.332.670.671	31.416.314	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	6.506.664.647	6.858.189.203	-	351.524.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	248.656.576	461.999.011	651.371.620	-	438.029.185
Thuế thu nhập cá nhân	-	177.447.078	538.589.890	440.464.635	-	79.321.823
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	591.350.617	839.693.277	-	248.342.660
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	426.103.654	8.102.604.165	8.793.718.735	-	1.117.218.224

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.12 Phải trả khác**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.580.879.496	6.081.811.302
Phải trả, phải nộp về ủy thác	5.340.175.582	3.906.307.408
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	3.897.912.523	1.380.119.499
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	53.641.512	1.847.180.560
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	1.388.621.547	679.007.349
Phải trả về tiền ứng thuế nhập khẩu	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	240.703.914	175.503.894
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	81.441.336.759	57.314.586.627
Các khoản phải trả, phải nộp về ủy thác	75.373.888.067	55.566.028.559
Công ty ROHR	12.778.029.600	3.438.628.614
Công ty TNHH Viet Sun Global	9.040.466.199	7.019.579.997
Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh	11.914.376.079	10.413.461.167
Công ty International Aircraft Engineer	4.740.992.130	3.199.781.534
Công ty Boeing	3.871.204.946	1.743.438.946
Công ty Amsafe	3.220.015.764	6.050.657.210
Công ty ATR	9.531.812.123	11.800.967.782
Các công ty khác	20.276.991.226	11.899.513.309
Phải trả về ứng tiền thuế nhập khẩu	9.185.012	359.879.203
Phải trả khác	6.058.263.680	1.388.678.865
	89.022.216.255	63.396.397.929
Dài hạn		
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	1.834.247.750	1.720.847.750
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.834.247.750	1.720.847.750
Cộng	1.834.247.750	1.720.847.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2023 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (i)	8.111.727.724	3.636.405.663	8.364.475.563	3.383.657.824
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	1.970.273.482	3.724.600.104	5.694.873.586	-
Cộng	10.082.001.206	7.361.005.767	14.059.349.149	3.383.657.824

Bên cho vay	Hợp đồng	Số tiền vay /Hạn mức vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
(i) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	01/2022- HĐTDMTC/NHCT146 -AIRIMEX	20 tỷ	Lãi suất được xác định theo thông báo tại ngày 25 hàng tháng	Từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/10/2023	Bổ sung vốn lưu động	Không có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu

4.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	3.790.179.353	36.386.417.358
Lãi trong năm	-	-	-	2.373.036.955	2.373.036.955
Trả cổ tức	-	-	-	(2.800.154.700)	(2.800.154.700)
Thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát	-	-	-	(71.903.413)	(71.903.413)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(193.149.742)	(193.149.742)
Tại ngày 31/12/2022	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	3.098.008.453	35.694.246.458
Tại ngày 01/01/2023	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	3.098.008.453	35.694.246.458
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.477.036.914	2.477.036.914
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(1.866.769.800)	(1.866.769.800)
Thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(84.949.315)	(84.949.315)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(237.303.696)	(237.303.696)
Tại ngày 30/6/2023	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	3.386.022.556	35.982.260.561

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, chi thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 18/2023/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 06/6/2023. Theo đó, thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2022 (bằng tiền) là ngày 19/6/2023.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.852.000.000	41	12.852.000.000	41
Ông Đào Khắc Hậu	7.777.780.000	25	7.777.780.000	25
Ông Đào Anh Hùng	3.552.930.000	11	3.552.930.000	11
Ông Lê Văn Kim	2.037.070.000	7	2.037.070.000	7
Các cổ đông khác	4.893.050.000	16	4.893.050.000	16
Cộng	31.112.830.000	100	31.112.830.000	100

4.14.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.111.283	3.111.283
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.111.283	3.111.283
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.14.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.477.036.914	933.742.299
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	3.111.283	3.111.283
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	796	300

Hiện tại, Công ty chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động làm suy giảm lãi trên cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.15 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	16.595,38	34.386,31
- EUR	687,64	3.136,18

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	33.478.780.039	25.920.567.905
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	20.572.187.457	14.519.224.565
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	19.675.752.368	25.164.389.979
Doanh thu dịch vụ khác	8.551.416.404	7.780.575.346
Cộng	82.278.136.268	73.384.757.795

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.412.229.165	24.669.475.125
Giá vốn của dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	14.798.507.901	10.327.803.364
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	18.820.357.850	24.279.818.403
Giá vốn dịch vụ khác	1.043.790.246	1.640.836.550
Cộng	66.074.885.162	60.917.933.442

5.3 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	303.165.647	225.181.782
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.762.437	33.074.817
Cộng	323.928.084	258.256.599

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****5.4 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	101.757.732	89.824.521
Chi phí dụng cụ đồ dùng	75.538.908	51.685.545
Chi phí khấu hao tài sản	162.831.504	243.071.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.958.839.899	1.142.345.653
Chi phí khác bằng tiền	646.792.881	225.227.750
Cộng	2.945.760.924	1.752.155.125

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.295.124.157	3.449.095.840
Chi phí vật liệu văn phòng	261.791.568	319.318.241
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	84.140.636	58.079.461
Chi phí khấu hao tài sản	746.068.088	684.397.421
Thuế và các khoản lệ phí	595.350.617	854.363.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.084.048.939	2.255.469.792
Chi phí khác bằng tiền	1.991.501.679	1.772.999.156
Cộng	10.058.025.684	9.393.723.758

5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.128.408.534	1.187.021.271
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	128.449.564	79.373.590
Chi phí không được trừ	128.449.564	79.373.590
Lợi nhuận sau điều chỉnh	3.256.858.098	1.266.394.861
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	3.256.858.098	1.266.394.861
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	651.371.620	253.278.972
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	651.371.620	253.278.972
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	248.656.576	124.028.987
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(461.999.011)	(235.074.463)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	438.029.185	142.233.496

5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí nhân công	11.488.731.218	8.022.671.311
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	363.549.300	409.142.762
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	159.679.544	109.765.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	1.374.960.432	1.596.199.819
Thuế và các khoản lệ phí	595.350.617	854.363.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.601.969.968	33.727.717.348
Chi phí khác bằng tiền	5.316.684.560	2.917.620.214
Chi phí hàng hóa	29.177.746.131	24.426.332.018
Cộng	79.078.671.770	72.063.812.325



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bộ phận bán hàng: Bán thiết bị mặt đất, các xe vận chuyển tại sân bay, bán hàng hóa phục vụ trên chuyến bay;
- Bộ phận nhận ủy thác: Cung cấp dịch vụ xuất, nhập khẩu ủy thác phụ tùng vật tư máy bay;
- Bộ phận dịch vụ vận chuyển: Cung cấp dịch vụ vận chuyển;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ khác: Dịch vụ cho thuê nhà, dịch vụ bán vé máy bay,...

39
G
.H
N.8
L
NH
A M
ẤY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2023

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Tài sản						
Tài sản của bộ phận	42.140.689.173	98.495.574.412	2.843.037.000	8.444.759.009	-	151.924.059.594
Tài sản không phân bổ						13.660.522.149
Tổng tài sản						165.584.581.743
Nợ phải trả						
Nợ phải trả của bộ phận	26.158.728.954	82.435.592.443	1.895.084.985	9.765.722.366	-	120.255.128.748
Nợ phải trả không phân bổ						9.347.192.434
Tổng nợ phải trả						129.602.321.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	33.478.780.039	20.572.187.457	19.675.752.368	8.551.416.404	-	82.278.136.268
Giữa các bộ phận						-
Cộng	33.478.780.039	20.572.187.457	19.675.752.368	8.551.416.404	-	82.278.136.268
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	31.412.229.165	14.798.507.901	18.820.357.850	1.043.790.246	-	66.074.885.162
Kết quả kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	2.066.550.874	5.773.679.556	855.394.518	7.507.626.158	-	16.203.251.106
Chi phí không phân bổ						(13.003.786.608)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính						3.199.464.498
Thu nhập tài chính						251.347.865
Chi phí tài chính						(323.928.084)
Lợi nhuận khác						1.524.255
Lợi nhuận trước thuế						3.128.408.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(651.371.620)
Lợi nhuận sau thuế						2.477.036.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Tài sản						
Tài sản của bộ phận	29.327.228.602	59.114.329.126	3.993.461.695	5.207.049.974	-	97.642.069.397
Tài sản không phân bổ						21.810.866.203
Tổng tài sản						119.452.935.600
Nợ phải trả						
Nợ phải trả của bộ phận	6.919.544.058	61.832.215.170	538.163.016	3.525.786.900	-	72.815.709.144
Nợ phải trả không phân bổ						10.942.979.998
Tổng nợ phải trả						83.758.689.142



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	25.920.567.905	14.519.224.565	25.164.389.979	7.780.575.346	-	73.384.757.795
Giữa các bộ phận						
Cộng	25.920.567.905	14.519.224.565	25.164.389.979	7.780.575.346	-	73.384.757.795
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	24.669.475.125	10.327.803.364	24.279.818.403	1.640.836.550	-	60.917.933.442
Kết quả kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	1.251.092.780	4.191.421.201	884.571.576	6.139.738.796	-	12.466.824.353
Chi phí không phân bổ						(11.145.878.883)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính						1.320.945.470
Thu nhập tài chính						122.995.076
Chi phí tài chính						(258.256.599)
Lỗ khác						1.337.324
Lợi nhuận trước thuế						1.187.021.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(253.278.972)
Lợi nhuận sau thuế						933.742.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có Chi nhánh đặt tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh chỉ có nhiệm vụ điều phối hoạt động khu vực miền Nam, toàn bộ doanh thu chỉ phát sinh ở trụ sở chính. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận.

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Cung ứng và XNK Lao động Hàng không (Alsimexco)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty trong cùng Tập đoàn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cổ đông lớn	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	63.399.276.904	55.988.354.414
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	2.871.391.306	2.695.183.529
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS)	-	1.582.811.200
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	278.608.583	63.576.631
Cộng	66.549.276.793	60.329.925.774

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Mua hàng và dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	337.657.323	329.872.283
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	108.090.954	148.718.178
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	4.164.000	-
Công ty CP Cung ứng và XNK Lao động Hàng không (Alsimexco)	131.029.752	-
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	672.000	-
Cộng	581.614.029	478.590.461

Chi trả cổ tức

Giao dịch chi trả cổ tức trong kỳ chi tiết xem tại Thuyết minh số 4.15.1 "Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu".

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch HĐQT	443.969.063	298.452.000
Ông Đinh Ngọc Tùng	Tổng Giám đốc	430.454.400	-
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên HĐQT	38.062.665	20.400.000
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	38.062.665	20.400.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên HĐQT	10.222.665	20.400.000
Ông Nguyễn Duy Việt	Ủy viên HĐQT	16.514.663	320.652.000
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	224.763.295	142.181.352
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	224.659.407	142.181.352
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban Kiểm soát	20.823.635	20.340.000
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên Ban Kiểm soát	194.556.692	143.018.161
Bà Đỗ Thu Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	160.994.902	114.252.874
Bà Tống Thị Thanh Bình	Thành viên Ban Kiểm soát	18.593.027	-
Cộng		1.821.677.078	1.242.277.739

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.3 "Trả trước cho người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.4 "Phải thu ngắn hạn khác";
- Thuyết minh số 4.9 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.10 "Người mua trả tiền trước ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.12 "Phải trả khác".

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Thế Đắc
Kê toán trưởng

Hoàng Thị Bích Hương
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1588 /2023/XNK-QLCĐ
V/v: Giải trình biến động LN sau thuế
6 tháng đầu năm 2023 tăng trên 10%
so với cùng kỳ năm trước

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không (Mã chứng khoán ARM) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2022, vì những lý do sau:

- Về doanh thu: Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 tăng 8,89 tỷ đồng tương đương tăng 12,11% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu bán hàng tăng 8,56 tỷ đồng, doanh thu ủy thác tăng 6,05 tỷ đồng, doanh thu vận chuyển giảm 5,48 tỷ đồng; doanh thu dịch vụ khác tăng nhẹ;


- Về chi phí: Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2023 tăng 7,08 tỷ đồng tương đương tăng 9,79% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tăng do giá vốn hàng bán tăng tương ứng với doanh thu bán hàng tăng;

- Về lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 đạt 2,477 tỷ đồng, tăng 1,544 tỷ đồng, tương đương tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước do nguyên nhân kể trên.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không xin giải trình với UBCKNN, SGDCCKHN và các cổ đông của công ty.

Xin trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư, QLCĐ 

TỔNG GIÁM ĐỐC


Đinh Ngọc Tùng